

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức

Kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh về các đơn vị kiến thức:

- HS xác định đúng thể loại truyện lịch sử, thơ thất ngôn bát cú và thất ngôn tứ tuyệt Đường luật.
- HS củng cố được kiến thức về từ tượng hình, từ tượng thanh, biện pháp đảo ngữ; ...
- HS vận dụng viết bài văn kể về một chuyến đi (tham quan một khu di tích lịch sử, văn hoá), bài văn phân tích tác phẩm văn học (bài thơ thất ngôn bát cú, thất ngôn tứ tuyệt Đường luật).

2. Năng lực

- Năng lực chung: năng lực tư duy, năng lực cảm thụ, năng lực giải quyết vấn đề, ...
- Năng lực chuyên biệt: năng lực hiểu chính xác nội dung từ, xác định được giá trị, tác dụng của các biện pháp tu từ trong việc bộc lộ nội dung văn bản, năng lực sử dụng tiếng Việt trong việc viết đúng câu, dùng từ đúng nghĩa và diễn đạt nội dung mạch lạc...; năng lực đọc hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại

3. Phẩm chất

- Bồi dưỡng tinh thần yêu nước.
- Học bài và làm bài thi nghiêm túc.

II. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

TT	Kĩ năng	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức			Tổng % điểm
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	
1	Đọc hiểu	Truyện lịch sử	30%	20%	10%	60%
		Thơ thất ngôn bát cú, thất ngôn tứ tuyệt Đường luật				
2	Viết	Viết bài văn kể về chuyến đi (tham quan một di tích lịch sử, văn hoá)	10%	10%	20%	40%
		Viết bài văn phân tích tác phẩm văn học (thất ngôn bát cú hoặc thất ngôn tứ tuyệt Đường luật)				
Tỉ lệ %			40%	30%	30%	100%
Tổng			100%			

III. BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức/ kĩ năng	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
1	Đọc hiểu	Truyện lịch sử	Nhận biết: - Nhận biết được thể loại truyện lịch sử, phương thức biểu đạt của văn bản. - Nhận biết đề tài, bối cảnh, chi tiết tiêu biểu. - Nhận biết được nhân vật, cốt truyện, tình huống, các biện pháp xây dựng nhân vật. - Nhận biết được từ tượng hình, từ tượng thanh. Thông hiểu: - Hiểu và lí giải được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản. - Xác định được nghĩa của một số thành ngữ thông dụng; sắc thái nghĩa của từ ngữ và việc lựa chọn từ ngữ; tác dụng của từ tượng thanh, từ tượng hình, biện pháp đảo ngữ được sử dụng trong văn bản. Vận dụng: - Nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả qua văn bản. - Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, nhận thức của bản thân sau khi đọc văn bản.	$2\frac{1}{2}$ TL	$1\frac{1}{2}$ TL	1 TL
		Thơ thất ngôn bát cú, thất ngôn tứ tuyệt Đường luật	Nhận biết - Nhận biết được thể thơ, phương thức biểu đạt của văn bản. - Nhận biết được những dấu hiệu về hình thức để phân biệt các thể thơ: số tiếng trong câu, số câu, cách gieo vần, tạo nhịp, đối ngẫu, bố cục. - Nhận biết được đặc điểm ngôn ngữ, đề tài, giọng điệu, nhịp điệu trong bài thơ - Nhận biết được hình ảnh, biểu tượng tiêu biểu và nhân vật trữ tình trong bài thơ. - Nhận biết từ tượng hình, tượng thanh, các biện pháp tu từ Thông hiểu			

			- Phân tích được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình; cảm hứng chủ đạo của tác giả trong bài thơ. - Nêu được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của bài thơ dựa trên những yếu tố hình thức nghệ thuật. - Phân tích được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, bố cục, biện pháp tu từ Vận dụng: - Nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả qua văn bản. - Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, nhận thức của bản thân sau khi đọc văn bản.			
2	Viết	Kể lại một chuyến đi (tham quan một di tích lịch sử, văn hoá)	Nhận biết: Thông hiểu: Vận dụng: Viết được bài văn kể lại một chuyến đi hay một hoạt động xã hội. Thể hiện được những ấn tượng, suy nghĩ và tình cảm sâu sắc. Sử dụng hiệu quả yếu tố miêu tả, biểu cảm trong văn bản.			1 TL
		Phân tích một tác phẩm văn học (bài thơ thất ngôn bát cú hoặc thất ngôn tứ tuyệt Đường luật)	Nhận biết: Thông hiểu: Vận dụng: Viết được bài văn phân tích một tác phẩm văn học: nêu được chủ đề; dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm.			
Tổng				2 TL 1TL	2 TL 1TL	2 TL
Tỉ lệ %				40%	30%	30%
Tỉ lệ chung				70%		30%

Ban Giám hiệu

Tổ chuyên môn

Nhóm chuyên môn

Phạm Thị Thanh Bình

Trần Thu Thủy

Lê Hà Vy

TRƯỜNG THCS GIA QUẤT
Năm học 2024 – 2025

MÃ ĐỀ NV801

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Ngữ văn 8

Ngày thi: 04/11/2024

(Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề)

I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc bài thơ sau:

CẢNH THU

- Hồ Xuân Hương (*) -

*Thánh thoát tàu tiêu ⁽¹⁾ mấy hạt mưa
Khen ai khéo vẽ cảnh tiêu sơ
Xanh um cỏ thụ tròn xoe tán
Trắng xóa tràng giang ⁽²⁾ phẳng lặng tờ
Bầu dốc giang sơn say chập ⁽³⁾ rượu
Túi lưng ⁽⁴⁾ phong nguyệt ⁽⁵⁾ nặng vì thơ
Cho hay cảnh cũng ưa người nhĩ
Thấy cảnh ai mà chẳng ngẩn ngơ.*

(Văn đàn bảo giám, NXB Văn học, 2004)

Chú thích:

(*) Bài thơ này một số sách chép tác giả là Bà Huyện Thanh Quan, một số sách chép là Hồ Xuân Hương.

(1) *tàu tiêu*: tàu lá chuối tiêu.

(2) *tràng giang*: sông dài.

(3) *chập*: thách, không kể vào đâu, ý nói phong cảnh núi sông khiến người say hơn rượu.

(4) *Túi lưng*: tay nải đeo phía sau lưng.

(5) *phong nguyệt*: gió trăng.

Thực hiện yêu cầu/Trả lời câu hỏi:

Câu 1: Xác định thể thơ và phương thức biểu đạt chính của bài thơ trên.

Câu 2: Xác định cách gieo vần của bài thơ trên.

Câu 3: Chỉ rõ và nêu hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu thơ: “*Xanh um cỏ thụ tròn xoe tán/ Trắng xóa tràng giang phẳng lặng tờ*”.

Câu 4: Bài thơ đã thể hiện tình cảm, cảm xúc gì của nhân vật trữ tình?

Câu 5: Qua bài thơ, em có suy nghĩ gì về ý nghĩa, giá trị của thiên nhiên đối với cuộc sống con người? (Nêu ít nhất 02 ý nghĩa, giá trị cụ thể)

II. VIẾT (4,0 điểm)

Viết một bài văn kể lại một chuyến đi tham quan khu di tích lịch sử, văn hoá mà em ấn tượng nhất.

----- Hết -----

I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc bài thơ sau:

CHIỀU HỒM NHỚ NHÀ

- Bà Huyện Thanh Quan -

Chiều trời bảng lảng ⁽¹⁾ bóng hoàng hôn

Tiếng ốc xa đưa vắng trống đồn.

Gác mái, ngư ông ⁽²⁾ về viễn phố ⁽³⁾

Gõ sừng, mục tử ⁽⁴⁾ lại cô thôn ⁽⁵⁾

Ngàn mai ⁽⁶⁾ gió cuốn chim bay mỏi

Dặm liễu ⁽⁷⁾ sương sa khách bước dồn.

Kẻ chốn trang đài ⁽⁸⁾, người lữ thứ ⁽⁹⁾

Lấy ai mà kẻ nỗi hàn ôn ⁽¹⁰⁾?

(Văn đàn bảo giám, NXB Văn học, 2004)

Chú thích:

(1) *Bảng lảng*: mờ nhạt, không rõ ràng.

(2) *ngư ông*: ông già đánh cá/ câu cá.

(3) *viễn phố*: phố xa, bên xa.

(4) *mục tử*: trẻ chăn trâu

(5) *cô thôn*: làng quê vắng vẻ.

(6) *Ngàn mai*: rừng mai.

(7) *Dặm liễu*: đường đi có trồng cây liễu ở hai bên.

(8) *trang đài*: phòng trang điểm của phụ nữ, đây dùng chỉ người ở nhà chờ đợi.

(9) *lữ thứ*: người ở quán trọ, dùng chỉ người đi xa không ở nhà.

(10) *hàn ôn*: lạnh và ẩm, cũng như hàn huyên, chỉ việc hai người gặp nhau hỏi trời ấm lạnh thế nào, thường dùng với nghĩa tâm sự, hỏi han.

Thực hiện yêu cầu/Trả lời câu hỏi:

Câu 1: Xác định thể thơ và phương thức biểu đạt chính của bài thơ trên.

Câu 2: Xác định cách gieo vần của bài thơ trên.

Câu 3: Chỉ rõ và nêu hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu thơ: “*Gác mái, ngư ông về viễn phố/ Gõ sừng, mục tử lại cô thôn.*”

Câu 4: Bài thơ đã thể hiện tâm trạng, cảm xúc gì của nhân vật trữ tình?

Câu 5: Qua bài thơ, em có suy nghĩ gì về ý nghĩa của quê hương đối với mỗi con người?
(Nêu ít nhất 02 ý nghĩa cụ thể)

II. VIẾT (4,0 điểm)

Viết một bài văn kể lại một chuyến đi tham quan khu di tích lịch sử, văn hoá mà em ấn tượng nhất.

----- Hết -----

I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau:

[...] Trong một buổi sáng đã có hai người nói với Trần Bình Trọng nhiều điều có ích. Họ chỉ là người lính, người dân bình thường, nhưng đều đã trải qua nhiều trận chiến đấu gay go. Họ đã làm cho Trần Bình Trọng vui lòng và tin rằng họ sẽ làm tròn những công việc ông giao cho.

[...]

Ông già làng Xuân Đình chẳng những giảng giải cho Trần Bình Trọng nghe rất kỹ về thế đất vùng Thiên Mạc, mà ông ta còn nhận xét rất đúng phép dùng binh: với thế đất như thế, cách bày trận sẽ phải ra sao. Ông ta nói:

- Dải cát sa bồi này chạy dài tít tắp, không rõ đâu là bến bờ. Mặt trước bãi cát là con sông Thiên Mạc rộng mênh mông. Mặt sau lưng nó là bãi lầy Mản Trò ăn mãi vào sâu hàng trăm dặm. Chỗ chúng ta đứng đây là địa thế làng Xuân Đình. Xuân Đình ở đầu bãi lầy Mản Trò, nhưng cũng ở đầu dải cát sa bồi. Từ trước đến nay, ai cũng cho rằng trong bãi lầy không có người ở. Giặc Nguyên hơn ta về quân cưỡi ngựa, ta giỏi hơn chúng về tài đánh trên sông. Nếu như trận đánh xảy ra ở đây, giặc sẽ tránh giao chiến trên sông Thiên Mạc với ta. Chúng sẽ rút lên dải cát sa bồi này, lập thế trận dựa lưng vào bãi Mản Trò để quyết chiến với ta trên vùng đất khô ráo quen với vó ngựa của chúng.

Trần Bình Trọng suy nghĩ về lời nói của ông già:

[...]

- Ông lão nói nốt đi!- Trần Bình Trọng giục, rõ ràng câu chuyện đã khiến ông thật sự quan tâm.

- Đây nhé! Tướng quân xem, chúng muốn đổ quân lên bộ cũng phải dùng những bến thuyền này. Bởi vì ở đây bờ sông thấp, lại có những vụng nhỏ tránh được sóng gió. Nhưng chúng không bao giờ nghĩ rằng chúng có thể bị đánh từ cửa Hàm Tử trở xuống, vì rằng bên kia cửa Hàm Tử là bến Chương Dương thẳng đường về Thăng Long, giặc sẽ dễ dàng ra cứu.

Trần Bình Trọng khen thâm. Ông khẽ gật đầu và giơ tay chỉ về phía Mản Trò hỏi tiếp:

- Ông lão định phục binh trong đó để đánh vỗ vào lưng quân giặc phải không?

- Ấy là nếu lão cầm quân, chứ lão đã trên bảy mươi tuổi đầu rồi và cũng chẳng ai bái lão làm tướng. Nhưng nếu lão cầm quân, lão sẽ bày trận như vậy đó!

Giương mặt Trần Bình Trọng rạng rỡ hẳn lên. Ông nói to với ông già Xuân Đình:

- Ông lão nói rất đúng. Ta cũng sẽ phục quân trong Mản Trò. Như thế, nếu giặc phải giao chiến trên sông Thiên Mạc hay trên bãi sa bồi này chúng đều phải đánh trên thế đất chết của chúng. Binh pháp cũng nói như vậy đấy!

(Trích ***Bên bờ Thiên Mạc*** – *Chương 3*, Hà Ân, NXB Kim Đồng)

Câu 1: Xác định thể loại và phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên.

Câu 2: Xác định bối cảnh lịch sử và các nhân vật xuất hiện trong đoạn trích.

Câu 3: Chỉ rõ và nêu hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu:
“Giặc Nguyên hơn ta về quân cưỡi ngựa, ta giỏi hơn chúng về tài đánh trên sông”

Câu 4: Chi tiết: *“Guơng mặt Trần Bình Trọng rạng rỡ hẳn lên. Ông nói to với ông già Xuân Đình:*

- Ta cũng sẽ phục quân trong Mản Trò. Như thế, nếu giặc phải giao chiến trên sông Thiên Mạc hay trên bãi sa bồi này chúng đều phải đánh trên thế đất chết của chúng. Binh pháp cũng nói như vậy đấy!” giúp em cảm nhận Trần Bình Trọng là một vị tướng quân như thế nào?

Câu 5: Trần Bình Trọng đã có những phán đoán, nhận định về thế đất Mản Trò và trước khi đưa ra quyết định trong chiến lược quân sự của mình. Từ nhân vật Trần Bình Trọng, em rút ra được bài học gì để đưa ra những quyết định sáng suốt trong cuộc sống? (Nêu ít nhất 02 bài học cụ thể)

II. VIẾT (4,0 điểm)

Viết một bài văn phân tích một bài thơ thất ngôn bát cú hoặc thất ngôn tứ tuyệt Đường luật mà em yêu thích nhất.

MÃ ĐỀ NV801

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	- Thể thơ: Thơ thất ngôn bát cú Đường luật. - Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm.	0,5 0,5
	2	- Bài thơ gieo vần bằng (“so” - “tò” - “tho” - “ngo”) - Gieo vần ở chữ cuối cùng của các câu 2,4,6,8.	0,5 0,5
	3	- Biện pháp tu từ: Đảo ngữ (đảo từ <i>Xanh um</i> và <i>Trắng xoá</i> lên đầu câu thơ) - Tác dụng: + Làm tăng sức gợi hình gợi cảm, tạo lối diễn đạt độc đáo, ấn tượng cho những câu thơ. + Nhấn mạnh sắc màu tươi tốt, tràn đầy sức sống của cỏ thụ và sự lãng mạn, hữu tình của trăng giang trong bức tranh thiên nhiên mùa thu. + Bộc lộ sự quan sát tinh tế, tâm hồn lãng mạn, say mê vẻ đẹp thiên nhiên mùa thu của nhân vật trữ tình.	1,0 0,25 0,5 0,25
	4	- Tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện trong văn bản: + Say đắm trước vẻ đẹp thanh nhã của bức tranh mùa thu. + Tình yêu thiên nhiên tha thiết, mãnh liệt.	0,5 0,5
	5	HS nêu ít nhất 02 ý nghĩa, giá trị cụ thể, mỗi ý đúng 0,5 điểm. Gợi ý: - <i>Cung cấp cho con người các nguồn tài nguyên cần thiết cho cuộc sống và sản xuất.</i> - <i>Giúp con người nghỉ ngơi, thư giãn và giải tỏa căng thẳng.</i>	1,0
II		VIẾT	4,0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự. Đủ 3 phần: Mở bài, Thân bài, Kết bài	0,25
		b. Xác định đúng yêu cầu của đề. Kể về một chuyến đi tham quan di tích lịch sử, văn hoá	0,5
		c. Triển khai vấn đề nghị luận	2,5
		HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt phương thức biểu đạt tự sự kết hợp với miêu tả, biểu cảm, thuyết minh, đảm bảo các yêu cầu sau:	0,5

	- Giới thiệu khái quát về chuyến tham quan di tích lịch sử, văn hóa, bày tỏ cảm xúc của em khi được trực tiếp tham gia chuyến đi.	0,5
	- Kể lại cụ thể diễn biến của chuyến tham quan (trên đường đi, lúc đến điểm tham quan, trình tự các điểm đến thăm, những hoạt động chính trong chuyến đi,...)	0,5
	- Thuyết minh, miêu tả và nêu ấn tượng của em về những nét nổi bật của di tích lịch sử, văn hóa đó (thiên nhiên, con người, công trình kiến trúc,...)	0,5
	- Kể lại những hoạt động tiêu biểu ở đó - Nêu cảm xúc, suy nghĩ của em về chuyến tham quan di tích lịch sử, văn hóa.	0,5
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
	<i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về chuyến đi; có cách diễn đạt mới mẻ, hấp dẫn.	0,5

Ban Giám hiệu

Tổ chuyên môn

Nhóm chuyên môn

Phạm Thị Thanh Bình

Trần Thu Thủy

Lê Hà Vy

MÃ ĐỀ NV802

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	- Thể thơ: Thơ thất ngôn bát cú Đường luật. - Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm.	0,5 0,5
	2	- Bài thơ gieo vần bằng (“hôn” – “đồn” – “thôn” – “dồn” – “ôn”) - Gieo vần ở chữ cuối cùng của các câu 1,2,4,6,8.	0,5 0,5
	3	- Biện pháp tu từ: Đảo ngữ (đảo từ <i>Gác mái</i> ; <i>Gõ sừng</i> lên đầu câu) - Tác dụng: + Làm tăng sức gợi hình gợi cảm, tạo lối diễn đạt độc đáo, ấn tượng cho những câu thơ. + Nhấn mạnh hành động nghỉ ngơi, trở về nhà của con người trong buổi chiều hoàng hôn. + Gợi nỗi nhớ nhà, nhớ quê hương của nhân vật trữ tình.	1,0 0,25 0,5 0,25
	4	- Tâm trạng, cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện trong văn bản: + Nỗi cô đơn, trống trải, buồn man mác. + Nỗi nhớ nhà, nhớ quê hương da diết.	0,5 0,5
	5	HS nêu ít nhất 02 ý nghĩa, mỗi ý đúng 0,5 điểm. Gợi ý: - <i>Quê hương là cái nôi nuôi dưỡng, chở che tâm hồn.</i> - <i>Quê hương tạo nên sức mạnh tinh thần mạnh mẽ để con người vượt qua mọi khó khăn, thách thức của hoàn cảnh.</i>	1,0
II		VIẾT	4,0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự. Đủ 3 phần: Mở bài, Thân bài, Kết bài.	0,25
		b. Xác định đúng yêu cầu của đề. Kể về một chuyến đi tham quan di tích lịch sử, văn hoá.	0,5
		c. Triển khai vấn đề nghị luận	2,5
		HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt phương thức biểu đạt tự sự kết hợp với miêu tả, biểu cảm, thuyết minh, đảm bảo các yêu cầu sau: - Giới thiệu khái quát về chuyến tham quan di tích lịch sử, văn hóa, bày tỏ cảm xúc của em khi được trực tiếp tham gia chuyến đi.	0,5

		- Kể lại cụ thể diễn biến của chuyến tham quan (trên đường đi, lúc đến điểm tham quan, trình tự các điểm đến thăm, những hoạt động chính trong chuyến đi,...)	0,5
		- Thuyết minh, miêu tả và nêu ấn tượng của em về những nét nổi bật của di tích lịch sử, văn hóa đó (thiên nhiên, con người, công trình kiến trúc,...)	0,5
		- Kể lại những hoạt động tiêu biểu.	0,5
		- Nêu cảm xúc, suy nghĩ của em về chuyến tham quan di tích lịch sử, văn hóa.	0,5
		<i>d. Chính tả, ngữ pháp:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
		<i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về chuyến đi; có cách diễn đạt mới mẻ, hấp dẫn.	0,5

Ban Giám hiệu

Tổ chuyên môn

Nhóm chuyên môn

Phạm Thị Thanh Bình

Trần Thu Thủy

Lê Hà Vy

ĐỀ DỰ PHÒNG

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	- Thể loại: Truyện lịch sử - Phương thức biểu đạt chính: Tự sự	0,5 0,5
	2	- Bối cảnh lịch sử: Cuộc kháng chiến chống giặc Nguyên xâm lược - Nhân vật: Trần Bình Trọng, ông già làng Xuân Đình.	0,5 0,5
	3	- Biện pháp tu từ: So sánh (<i>“Giặc Nguyên hơn ta về quân cưỡi ngựa, ta giỏi hơn chúng về tài đánh trên sông”</i>) - Tác dụng: + Làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho câu văn. + Gợi lợi thế về tài năng đánh giặc trên sông của quân ta. + Thể hiện khả năng phán đoán, nhận định tình thế của ông già làng Xuân Đình.	1,0 0,25 0,5 0,25
	4	- Chi tiết giúp ta cảm nhận Trần Bình Trọng là một vị tướng quân: + Tài giỏi, có sự am hiểu sâu sắc về binh pháp, chiến lược quân sự. + Có tầm nhìn xa trông rộng.	0,5 0,5
	5	HS nêu ít nhất 02 bài học mỗi ý đúng 0,5 điểm. Gợi ý: - <i>Tìm hiểu kĩ về tình hình thực tế.</i> - <i>Lắng nghe, tham khảo ý kiến của những người có kinh nghiệm</i> - <i>Kiên định, tin tưởng vào khả năng của bản thân</i>	1,0
II		VIẾT	4,0
		a. <i>Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận</i> Đủ 3 phần: Mở bài, Thân bài, Kết bài	0,25
		b. <i>Xác định đúng yêu cầu của đề.</i> Phân tích một tác phẩm văn học (một bài thơ thất ngôn bát cú hoặc thất ngôn tứ tuyệt Đường luật)	0,5
		c. <i>Triển khai vấn đề nghị luận</i>	2,5

	HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt phương thức biểu đạt nghị luận kết hợp biểu cảm đảm bảo các yêu cầu sau: - Giới thiệu khái quát, ngắn gọn về tác giả và bài thơ, nêu ý kiến chung về bài thơ. - Phân tích đặc điểm nội dung: + Phân tích hình tượng thơ (hình tượng thiên nhiên, hình tượng con người) + Phân tích cảm xúc, tâm trạng của nhà thơ + Khái quát chủ đề của bài thơ - Phân tích một số nét đặc sắc về nghệ thuật + Phân tích sử dụng thể thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật (theo mô hình chuẩn mực hay có sự cách tân) + Phân tích những nét đặc sắc trong nghệ thuật tả cảnh, ngụ tình + Phân tích nghệ thuật trong sử dụng ngôn ngữ (từ ngữ, cấu trúc câu thơ, biện pháp tu từ) - Khẳng định vị trí, ý nghĩa của bài thơ	0,5 1,25 0,75 0,5
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
	<i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về bài thơ; có cách diễn đạt mới mẻ, hấp dẫn.	0,5

Ban Giám hiệu

Tổ chuyên môn

Nhóm chuyên môn

Phạm Thị Thanh Bình

Trần Thu Thủy

Lê Hà Vy